

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HÒA VANG

Số: 654/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hòa Vang, ngày 24 tháng 11 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc địa phận xã Hòa Vang (đợt 2)

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÒA VANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố về ban hành quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, mồ mã, thành phần công việc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 11/3/2022 của HĐND thành phố quyết định chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND thành phố về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thông qua Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất bổ sung năm 2024 của thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 17 tháng 07 năm 2025 của UBND xã Hòa Vang về việc thành lập hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (đoạn qua địa bàn xã Hòa Vang);

Căn cứ Quyết định số 4409/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND huyện Hòa Vang về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính tiền bồi thường hỗ trợ về đất dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo nội dung Biên bản họp ngày 02/08/2025 của Hội đồng bồi thường về việc xác định tính pháp lý về đất và tài sản gắn liền trên đất đối với các hộ thuộc diện giải tỏa dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (đợt 2);

Theo Tờ trình số 142/TTr-CNKVIV ngày 04/11/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – Chi nhánh khu vực IV về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt giá trị bồi thường dự án: Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc địa phận xã Hoà Vang (đợt 2);

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã Hòa Vang tại Tờ trình số 558/TTr-KT ngày 17/11/2025.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết cho 18 hộ sơ thuộc dự án: Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thuộc địa phận xã Hoà Vang (đợt 2) với tổng số tiền là 1.947.097.220 đồng (Bằng chữ: Một tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu không trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi đồng y). Trong đó:

- Giá trị bồi thường về đất: 342.138.220 đồng
- Giá trị bồi thường về cây cối, hoa màu: 68.784.500 đồng
- Hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề: 1.536.174.500 đồng

1. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có): Đính kèm phụ lục;

2. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh sẽ phê duyệt bổ sung sau.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Đính kèm phụ lục.

3. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có;

4. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có.

5. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có.

6. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có): Không có.

7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không có

8. Nguồn kinh phí chi trả: Vốn chi trả từ dự án.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

### **1. UBND xã Hòa Vang**

Phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – Chi nhánh khu vực IV phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

### **2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – Chi nhánh khu vực IV**

Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này:

- Phối hợp với UBND xã Hoà Vang phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở UBND xã Hoà Vang và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

- Thông báo nhận tiền (kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường) cho hộ có tên tại danh sách kèm theo Quyết định này và tổ chức thực hiện chi trả theo quy định. Sau khi hoàn thành công tác chi trả, đơn vị phải lập thủ tục báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Theo dõi, kiểm tra các kết quả phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết của các hồ sơ, đảm bảo không trình phê duyệt trùng lặp.

- Lập dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khối lượng công việc thực tế và quyết toán theo quy định hiện hành.



3. Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có): Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – Chi nhánh khu vực IV quản lý để thực hiện dự án.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã Hoà Vang; Trưởng phòng Kinh tế; Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – Chi nhánh khu vực IV; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Đà Nẵng; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và trường hợp giải toả có tên trong danh sách kèm theo căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- UBND TP (để báo cáo);
- Sở NNMT TP (để báo cáo);
- Lưu: VT, KT (Tân).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đinh Thị Thúy Hương**

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ ĐÈN BÙ THIẾT HẠI**  
**Dự án: Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**  
**thuộc địa phận xã Hòa Vang (đợt 2)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 651 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Hòa Vang)

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Họ và tên                                                       | Địa chỉ     | Số HS      | Đất                | Cây cối hoa màu   | Hỗ trợ khác          | Tổng                 | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------------------------------|-------------|------------|--------------------|-------------------|----------------------|----------------------|---------|
| 1  | UBND xã Hòa Vang quản lý                                        | Xã Hòa Vang | 9 HPu      |                    |                   |                      |                      |         |
| 2  | Nguyễn Thị Thiện                                                | Xã Hòa Vang | 10 HPu     | 38.309.670         | 4.979.500         | 182.427.000          | 225.716.170          |         |
| 3  | UBND xã Hòa Vang quản lý                                        | Xã Hòa Vang | 13 HPu     |                    |                   |                      |                      |         |
| 4  | UBND xã Hòa Vang quản lý                                        | Xã Hòa Vang | 14 HPu     |                    |                   |                      |                      |         |
| 5  | UBND xã Hòa Vang quản lý                                        | Xã Hòa Vang | 16 HPu     |                    |                   |                      |                      |         |
| 6  | UBND xã Hòa Vang quản lý -Nguyễn Văn Bảo (sản xuất)             | Xã Hoà Vang | 24 HPu     | 4.105.710          |                   | 9.775.500            | 13.881.210           |         |
| 7  | UBND xã Hòa Vang quản lý                                        | Xã Hòa Vang | 27 HPu     |                    |                   |                      |                      |         |
| 8  | UBND xã Hòa Vang quản lý                                        | Xã Hòa Vang | 30 HPu     |                    |                   |                      |                      |         |
| 9  | UBND xã Hòa Vang quản lý                                        | Xã Hòa Vang | 36 PS2 HPu |                    |                   |                      |                      |         |
| 10 | Hộ: Nguyễn Thúy (chết) – Người đại diện theo quy định pháp luật | Xã Hòa Vang | 39 HPu     | 3.663.240          | 534.000           | 17.444.000           | 21.641.240           |         |
| 11 | Trương Văn Thuận                                                | Xã Hòa Vang | 56 HPu     | 55.854.120         | 9.122.000         | 265.972.000          | 330.948.120          |         |
| 12 | Trương Văn Thuận                                                | Xã Hòa Vang | 57 HPu     | 43.783.950         | 7.362.500         | 208.495.000          | 259.641.450          |         |
| 13 | UBND xã Hòa Vang quản lý -Trần Phương Lân (sản xuất)            | Xã Hòa Vang | 76 HPu     | 41.330.650         | 20.274.000        | 113.533.000          | 175.137.650          |         |
| 14 | UBND xã Hòa Vang quản lý -Trần Hoàng (sản xuất)                 | Xã Hòa Vang | 78 HPu     | 29.594.040         | 2.013.200         | 140.924.000          | 172.531.240          |         |
| 15 | UBND xã Hòa Vang quản lý -Phan Thị Thà (sản xuất)               | Xã Hòa Vang | 80 HPu     | 32.907.420         | 7.966.500         | 156.702.000          | 197.575.920          |         |
| 16 | UBND xã Hòa Vang quản lý -Trần Thị Lương (sản xuất)             | Xã Hòa Vang | 92 HPu     | 26.537.910         | 3.868.500         | 126.371.000          | 156.777.410          |         |
| 17 | UBND xã Hòa Vang quản lý -Bùi Duy Quang (sản xuất)              | Xã Hòa Vang | 94 HPu     | 43.001.910         | 2.925.300         | 204.771.000          | 250.698.210          |         |
| 18 | UBND xã Hòa Vang quản lý -Bùi Duy Quang (sản xuất)              | Xã Hòa Vang | 95 HPu     | 23.049.600         | 9.739.000         | 109.760.000          | 142.548.600          |         |
|    | <b>Tổng</b>                                                     |             |            | <b>342.138.220</b> | <b>68.784.500</b> | <b>1.536.174.500</b> | <b>1.947.097.220</b> |         |

**Bảng chữ: Một tỷ chín trăm bốn mươi bảy triệu không trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi đồng y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng  
thuộc địa phận xã Hòa Vang (đợt 2)**

*(Kèm theo Quyết định số 651 /QĐ-UBND ngày 24 /11/2025 của UBND xã Hòa Vang)*

**I/ PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN KÈ CHỐNG SẠT LỖ KHẨN CẤP TẠI VỊ TRÍ XUNG YẾU CÁC TUYẾN SÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- 1) Tổng diện tích đất thu hồi: Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 289.600 m<sup>2</sup>.
- 2) Tổng số người có đất thu hồi: Sơ bộ khoảng 370 hộ gia đình, cá nhân.
- 3) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 17 và Điều 24 Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố.
- 4) Phương án bố trí tái định cư: Các hồ sơ phê duyệt tại Quyết định này là đất nông nghiệp, không bố trí tái định cư.
- 5) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: không có.
- 6) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có.
- 7) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bao gồm: tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác: Thực hiện theo Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố.
- 8) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Hòa Vang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Kè chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí xung yếu các tuyến sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
- 9) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Nêu tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này.
- 10) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

**II. CÁC NỘI DUNG CHI TIẾT**

| ST<br>T | Họ và tên                                                                                        | Số HS | DTSD<br>(m <sup>2</sup> ) | DTTH<br>(m <sup>2</sup> )                         | DTCL<br>(m <sup>2</sup> ) | Giấy tờ nguồn gốc sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Loại hạng đất và<br>mức<br>bồi thường thiệt hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tổng số<br>tiền đền bù<br>(đồng) | Nội dung<br>phê<br>duyet bố<br>trí đất<br>TĐC<br>theo<br>phương<br>án<br>GTĐB |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 1.      | UBND xã Hòa<br>Vang                                                                              | 9HPu  | 933.2<br>382/40           | 933.2                                             | 0                         | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP thì phần diện tích thu hồi thuộc các thửa đất số 272, 273, 274, 276 tờ bản đồ số 13; loại đất màu. Hiện trạng đã rớt xuống sông.<br>- <b>Hiện trạng:</b> sông                                                                                                                                                                                                                                        | - Không bồi thường về đất cho diện tích <b>933.2 m<sup>2</sup></b> .                                                                                                                                                                                                                                                                            | Không                            | Không                                                                         |
| 2.      | Nguyễn Thị Thiện<br><br><b>CCCD :<br/>048150002395</b><br><br><b>thôn Đông Lâm,<br/>Hòa Vang</b> | 10HPu | 1023.4<br>05/40           | 372.3<br>Trong đó<br>HTKT:<br>89.5 m <sup>2</sup> | 651.1                     | Hộ <b>Lê Dục</b> được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy CNQSD đất số 477 ngày 08/7/1996 tại thửa 273/13 DT: <b>1763.0m<sup>2</sup></b> , đất màu. Bà Nguyễn Thị Thiện nhận thừa kế toàn bộ diện tích thửa đất 273/13 được CN VPĐK chỉnh lý ngày 17/12/2018.<br>- Đối chiếu BĐ64/CP thửa 273/13 DT: 1763m <sup>2</sup> đất M. <b>Ông Lê Dục</b> kê khai.<br>- Bản kê khai nguồn gốc đất được UBND xã xác nhận: Đất có GCN-QSD đất. Bà Nguyễn Thị Thiện có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông | - Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá 102.900 đồng/m <sup>2</sup> ) cho DT: <b>372.3m<sup>2</sup></b> .<br>- Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m <sup>2</sup> cho DT: <b>372.3m<sup>2</sup></b> .<br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định | 225.716.170                      | Không                                                                         |

|    |                                              |       |                 |                           |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                      |            |       |
|----|----------------------------------------------|-------|-----------------|---------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------|-------|
|    |                                              |       |                 |                           |       | nghiệp trên đất đỏ.<br><b>- Hiện trạng:</b> Bấp, đậu phụng.                                                                                                                                                                                                                                              | 35/2024/QĐ-UBND<br>ngày 07/10/2024 của<br>UBND TPĐN.                 |            |       |
| 3. | UBND xã Hòa Vang                             | 13HPu | 325.7<br>383/40 | 325.7                     | 0     | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP thì phần diện tích thu hồi thuộc các thửa đất số 269, 271 tờ bản đồ số 13; loại đất màu. Hiện trạng đã rút xuống sông.<br><b>- Hiện trạng:</b> sông | - Không bồi thường về đất cho diện tích <b>325.7 m<sup>2</sup></b> . | Không      | Không |
| 4. | UBND xã Hòa Vang                             | 14HPu | 465.6<br>346/41 | 465.6                     | 0     | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP thì phần diện tích thu hồi thuộc các thửa đất số 303 tờ bản đồ số 13; loại đất sông suối do UBND xã quản lý.<br><b>- Hiện trạng:</b> sông           | - Không bồi thường về đất cho diện tích <b>465.6 m<sup>2</sup></b> . | Không      | Không |
| 5. | UBND xã Hòa Vang                             | 16HPu | 288.0<br>724/34 | 288.0                     | 0     | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP thì phần diện tích thu hồi thuộc các thửa đất số 303 tờ bản đồ số 13; loại đất sông suối do UBND xã quản lý.<br><b>- Hiện trạng:</b> sông           | - Không bồi thường về đất cho diện tích <b>288.0 m<sup>2</sup></b> . | Không      | Không |
| 6. | UBND xã Hòa Vang - Nguyễn Văn Bảo (sản xuất) | 24HPu | 709.5<br>412/34 | 39.9<br>Trong đó<br>HTKT: | 669.6 | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đất do UBND xã                                                                                                                                                             | <b>Hủy kết quả tại BBPL ngày 02/01/2025, nay xét lại:</b>            | 13.881.210 | Không |

|    |                                                                                     |       |                  |                     |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |       |       |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------|---------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|
|    | <b>CCCD:</b><br><b>049066012504</b><br><br><b>Thôn Đông Lâm,</b><br><b>Hòa Vang</b> |       |                  | 15.5 m <sup>2</sup> |   | quản lý, ông Nguyễn Văn Bảo tự khai hoang sử dụng <b>trước ngày 01/7/2004</b> . Đối chiếu BĐ 64/CP thuộc thửa đất số 240/13; đất Hg/b. Hộ khẩu địa phương, <b>trực tiếp sản xuất nông nghiệp</b> . Vụ trước trồng chuối. Tại thời điểm kiểm đếm đất trống do vừa mới thu hoạch xong, chưa canh tác.<br>- <b>Hiện trạng:</b> đất trống<br>* <b>BBPL ngày 02/01/2025:</b><br>- Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá theo Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường của UBND huyện) cho <b>DT: 39,9m<sup>2</sup></b> .<br>- Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m <sup>2</sup> . | - Bồi thường 100% giá đất cây lâu năm (đơn giá 89.180 đồng/m <sup>2</sup> ) cho <b>DT: 39,9m<sup>2</sup></b> .<br>- Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 49.000đ/m <sup>2</sup> cho <b>DT: 39,9m<sup>2</sup></b> . |       |       |
| 7. | UBND xã Hòa Vang                                                                    | 27HPu | 1525.4<br>723/34 | 1525.4              | 0 | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP thì phần diện tích thu hồi thuộc các thửa đất số 303 tờ bản đồ số 13; loại đất sông suối do UBND xã quản lý.<br>- <b>Hiện trạng:</b> sông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | - Không bồi thường về đất cho diện tích <b>1525.4 m<sup>2</sup></b> .                                                                                                                                                                                                                 | Không | Không |
| 8. | UBND xã Hòa Vang                                                                    | 30HPu | 588.9<br>345/41  | 588.9               | 0 | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP thì phần diện tích thu hồi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | - Không bồi thường về đất cho diện tích <b>588.9 m<sup>2</sup></b> .                                                                                                                                                                                                                  | Không | Không |

|     |                                                                                                                                   |           |                 |                                            |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |       |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------|--------------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------|
|     |                                                                                                                                   |           |                 |                                            |       | thuộc các thửa đất số 303 tờ bản đồ số 13; loại đất sông suối do UBND xã quản lý.<br>- <b>Hiện trạng:</b> sông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |       |
| 9.  | UBND xã Hòa Vang                                                                                                                  | 36PS2-HPu | 600.7<br>640/24 | 600.7                                      | 0     | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP thì phần diện tích thu hồi thuộc các thửa đất số 145, 147, 148, 149 tờ bản đồ số 8; loại đất màu.<br>- <b>Hiện trạng:</b> sông                                                                                                                                                                                                                                                                               | - Đối với các thửa đất đã bị sạt lở nay hiện trạng sông suối, đề nghị UBND xã làm việc với các hộ dân và thực hiện thu hồi đất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 82 Luật Đất đai năm 2024.<br>- Không bồi thường về đất cho diện tích <b>600.7 m<sup>2</sup></b> .                                                                   | Không      | Không |
| 10. | Hộ Nguyễn Thúy © - Nguyễn Tấn Thành đại diện<br><b>CCCD Nguyễn Tấn Thành: 048056003916</b><br><br><b>Thôn Hội Phước, Hòa Vang</b> | 39HPu     | 379.2<br>215/24 | 35.6<br>Trong đó HTKT: 34.6 m <sup>2</sup> | 343.6 | Hộ <b>Nguyễn Thúy</b> được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy CNQSD đất số 00799 ngày 08/7/1996 tại thửa 108/8; DT: <b>490m<sup>2</sup></b> đất màu.<br>- Đối chiếu BD64/CP thửa 108/8 DT: 490m <sup>2</sup> đất M. Ông <b>Nguyễn Thúy</b> kê khai.<br>- Bản kê khai nguồn gốc đất được UBND xã xác nhận: Đất đã cấp GCN-QSD đất cho hộ ông <b>Nguyễn Thúy</b> . Ông <b>Nguyễn Tấn Thành</b> có hộ khẩu thường trú tại địa phương, là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.<br>- <b>Hiện trạng:</b> đậu phụng. | Trên cơ sở ông Thành bổ sung giấy tờ chứng minh là thành viên của Hộ ông Nguyễn Thúy, giải quyết bồi thường cho hộ ông Nguyễn Thúy như sau:<br>- Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá 102.900 đồng/m <sup>2</sup> ) cho DT: <b>35.6m<sup>2</sup></b> .<br>- Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại | 21.641.240 | Không |

|     |                                                                                                                                                                                    |       |       |                                                |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|
|     |                                                                                                                                                                                    |       |       |                                                |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <p>QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 49.000đ/m<sup>2</sup> cho DT: <b>35.6m<sup>2</sup></b>.</p> <p>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN.</p>                                                                                                                                                                                              |             |       |
| 11. | <p>Trương Văn Thuận – Hoàng Thị Vĩnh Trinh<br/> <b>CCCD Trương Văn Thuận: 048094004720</b><br/> <b>CCCD Hoàng Thị Vĩnh Trinh: 045195010380</b></p> <p>Thôn Hòa Phước, Hòa Vang</p> | 56HPu | 768.5 | 542.8<br>Trong đó<br>HTKT: 66.7 m <sup>2</sup> | 225.7 | <p>Hộ <b>Trương Văn Sanh</b> được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy CNQSD đất số 00702 ngày 08/7/1996 tại thửa 05/9; DT: <b>768m<sup>2</sup></b> đất màu. Ông (bà): Trương Văn Thuận – Hoàng Thị Vĩnh Trinh nhận tặng cho toàn bộ diện tích thửa đất đã được Chi nhánh VPĐK đất đai tại huyện Hòa Vang ĐKBĐ ngày 11/5/2021.</p> <p>- Đối chiếu BĐ64/CP thửa 05/9 DT: 4934m<sup>2</sup> đất M. Ông <b>Trương Văn Sanh</b> kê khai: 768m<sup>2</sup>.</p> <p>- Bản kê khai nguồn gốc đất được UBND xã xác nhận: Đất đã cấp GCN-QSD đất cho ông (bà): <b>Trương Văn Thuận – Hoàng Thị Vĩnh Trinh</b>. Ông (bà): <b>Trương Văn Thuận – Hoàng Thị Vĩnh Trinh</b> có hộ khẩu thường trú tại địa phương, là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.</p> <p>- <b>Hiện trạng:</b> đậu phụng.</p> | <p>- Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá 102.900 đồng/m<sup>2</sup>) cho DT: <b>542.8m<sup>2</sup></b>.</p> <p>- Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m<sup>2</sup> cho DT: <b>542.8m<sup>2</sup></b>.</p> <p>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN.</p> | 330.948.120 | Không |

|     |                                                                                                                                                                                        |       |                  |                                                 |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------|-------------------------------------------------|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|
| 12. | <p>Trương Văn Thuận – Hoàng Thị Vĩnh Trinh</p> <p><b>CCCD Trương Văn Thuận: 048094004720</b></p> <p><b>CCCD Hoàng Thị Vĩnh Trinh: 045195010380</b></p> <p>Thôn Hòa Phước, Hòa Vang</p> | 57HPu | 598.8<br>322/25  | 425.5<br>Trong đó<br>HTKT: 51.0 m <sup>2</sup>  | 173.3  | <p>Hộ <b>Trương Thị Lợi</b> được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy CNQSD đất số 00895 ngày 08/7/1996 tại thửa 05/9; DT: <b>1056m<sup>2</sup></b> đất màu. Ông (bà): Trương Văn Thuận – Hoàng Thị Vĩnh Trinh nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất đã được Chi nhánh VPĐK đất đai tại huyện Hòa Vang ĐKBĐ ngày 04/11/2024.</p> <p>- Đối chiếu BĐ64/CP thửa 05/9 DT: 4934m<sup>2</sup> đất M. Bà <b>Trương Thị Lợi</b> kê khai: 1056m<sup>2</sup>.</p> <p>- Bản kê khai nguồn gốc đất được UBND xã xác nhận: Đất đã cấp GCN-QSD đất cho ông (bà): <b>Trương Văn Thuận – Hoàng Thị Vĩnh Trinh</b>. Ông (bà): <b>Trương Văn Thuận – Hoàng Thị Vĩnh Trinh</b> có hộ khẩu thường trú tại địa phương, là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.</p> <p>- <b>Hiện trạng:</b> tre, đậu phụng.</p> | <p>- Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá 102.900 đồng/m<sup>2</sup>) cho DT: <b>425.5m<sup>2</sup></b>.</p> <p>- Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m<sup>2</sup> cho DT: <b>425.5m<sup>2</sup></b>.</p> <p>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN.</p> | 259.641.450 | Không |
| 13. | <p>UBND xã Hòa Vang – Trần Phương Lân (sản xuất)</p> <p><b>CCCD: 048078004858</b></p> <p>Thôn Hòa Phước,</p>                                                                           | 76HPu | 1850.5<br>120/26 | 463.4<br>Trong đó<br>HTKT: 150.0 m <sup>2</sup> | 1387.1 | <p>- Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu Bản đồ 64/CP, thuộc thửa đất số 16/9, đất Hg/cát, không thuộc đất công ích; ông Trần Phương Lân tự khai hoang sản xuất trước ngày 01/7/2004. Ông Trần Phương Lân là cá nhân trực</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <p>- Bồi thường 100% giá đất cây lâu năm (đơn giá 89.190 đồng/m<sup>2</sup>) cho DT: <b>463.4m<sup>2</sup></b>.</p> <p>- Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại</p>                                                                                                                                                                                                         | 175.137.650 | Không |

|     |                                                                                                    |       |                 |                                             |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------|---------------------------------------------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|
|     | Hòa Vang                                                                                           |       |                 |                                             |        | tiếp sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu địa phương và có nguồn thu nhập từ SXNN trên đất đó.<br>- <b>Hiện trạng:</b> tre, chuối.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 49.000đ/m <sup>2</sup> cho DT: <b>463.4m<sup>2</sup></b> .<br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN.                                                                                                                                                                                            |             |       |
| 14. | UBND xã Hoà Vang – Trần Hoàng (sản xuất)<br><br>CCCD: 048055003051<br><br>Thôn Hòa Phước, Hòa Vang | 78HPu | 2152.4<br>87/26 | 287.6<br>Trong đó HTKT: 92.5 m <sup>2</sup> | 1864.8 | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu Bản đồ 64/CP, thuộc thửa đất số 16/9, đất Hg/cát, không thuộc đất công ích; ông Trần Hoàng tự khai hoang sản xuất trước ngày 01/7/2004. Ông Trần Hoàng là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu địa phương và có nguồn thu nhập từ SXNN trên đất đó.<br>- <b>Hiện trạng:</b> mè. | - Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá 102.900 đồng/m <sup>2</sup> ) cho DT: <b>287.6m<sup>2</sup></b> .<br>- Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m <sup>2</sup> cho DT: <b>287.6m<sup>2</sup></b> .<br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN. | 172.531.240 | Không |
| 15. | UBND xã Hoà Vang – Phan Thị Thà (sản xuất)<br><br>CCCD:                                            | 80HPu | 736.1<br>395/26 | 531.1<br>Trong đó HTKT: 115.3               | 205.0  | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu Bản đồ 64/CP, thuộc thửa đất số 16/9, đất                                                                                                                                                                                                                                                     | - Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá 102.900 đồng/m <sup>2</sup> ) cho DT: <b>234.2+85.6=319.8m<sup>2</sup></b> .                                                                                                                                                                                                                                                                   | 197.575.920 | Không |

|     |                                                                                                                          |       |                      |                                             |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |       |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------|---------------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|
|     | <b>048141001431</b><br><br><b>Thôn Hòa Phước,<br/>Hòa Vang</b>                                                           |       |                      | m <sup>2</sup>                              |        | Hg/cát; một phần thửa đất số 86/10, đất Hg, không thuộc đất công ích và một phần thuộc thửa đất 01/10, đất sông; bà Phan Thị Thà tự khai hoang sản xuất trước ngày 01/7/2004. Bà Phan Thị Thà là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu địa phương và có nguồn thu nhập từ SXNN trên đất đó.<br>- HĐ xác định:<br>+ DTTH thuộc thửa 01/10: 211.3m <sup>2</sup> ;<br>+ DTTH thuộc thửa 16/9: 234.2m <sup>2</sup> ;<br>+ DTTH thuộc thửa 86/10: 85.6m <sup>2</sup> ;<br>- <b>Hiện trạng:</b> đậu phụng. | - Không bồi thường về đất cho <b>DT: 211.3m<sup>2</sup>.</b><br>- Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m <sup>2</sup> cho DT: <b>319.8m<sup>2</sup>.</b><br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN.                      |             |       |
| 16. | UBND xã Hoà Vang – Trần Thị Lưỡng (sản xuất)<br><br><b>CCCD: 048156005192</b><br><br><b>Thôn Hòa Phước,<br/>Hòa Vang</b> | 92HPu | 1342.2<br><br>392/26 | 257.9<br>Trong đó HTKT: 65.7 m <sup>2</sup> | 1084.3 | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu Bản đồ 64/CP, thuộc thửa đất số 05/10, đất Hg, không thuộc đất công ích; bà Trần Thị Lưỡng tự khai hoang sản xuất trước ngày 01/7/2004. Bà Trần Thị Lưỡng là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu địa phương và có nguồn thu nhập từ SXNN trên đất đó.<br><br>- <b>Hiện trạng:</b> đậu phụng, đậu đen.                                                      | - Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá 102.900 đồng/m <sup>2</sup> ) cho <b>DT: 257.9m<sup>2</sup>.</b><br>- Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m <sup>2</sup> cho DT: <b>257.9m<sup>2</sup>.</b><br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND | 156.777.410 | Không |

|     |                                                                                                                     |       |                  |                                                |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------|------------------------------------------------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|
|     |                                                                                                                     |       |                  |                                                |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |       |
| 17. | UBND xã Hoà Vang – Bùi Duy Quang (sản xuất)<br><br><b>CCCD: 044052005700</b><br><br><b>Thôn Hòa Phước, Hòa Vang</b> | 94HPu | 1973.3<br>394/26 | 417.9<br>Trong đó<br>HTKT: 81.5 m <sup>2</sup> | 1555.4 | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu Bản đồ 64/CP, thuộc thửa đất số 05/10, đất Hg và thửa đất số 09/10, đất Hg, không thuộc đất công ích; ông Bùi Duy Quang tự khai hoang sản xuất trước ngày 01/7/2004. Ông Bùi Duy Quang là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu địa phương và có nguồn thu nhập từ SXNN trên đất đó.<br><br><b>- Hiện trạng: mè.</b> | - Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá 102.900 đồng/m <sup>2</sup> ) cho <b>DT: 417.9.0m<sup>2</sup></b> .<br>- Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m <sup>2</sup> cho DT: <b>417.9m<sup>2</sup></b> .<br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN. | 250.698.210 | Không |
| 18. | UBND xã Hoà Vang – Bùi Duy Quang (sản xuất)<br><br><b>CCCD: 044052005700</b><br><br><b>Thôn Hòa Phước, Hòa Vang</b> | 95HPu | 1417.5<br>02/27  | 524.9<br>Trong đó<br>HTKT: 92.2 m <sup>2</sup> | 892.6  | - Bản tự kê khai và xác nhận của UBND xã về nguồn gốc sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu Bản đồ 64/CP, thuộc thửa đất số 05/10, đất Hg, không thuộc đất công ích và một phần thửa đất 01/10, đất sông; ông Bùi Duy Quang tự khai hoang sản xuất trước ngày 01/7/2004. Ông Bùi Duy Quang là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu địa phương và                                                                | - Bồi thường 100% giá đất cây hàng năm (đơn giá 102.900 đồng/m <sup>2</sup> ) cho <b>DT: 224.0m<sup>2</sup></b> .<br>- Không bồi thường về đất cho <b>DT: 200.9m<sup>2</sup></b> .<br>- Hỗ trợ 100% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo khoản 1 điều 17 tại                                                                                                                                      | 142.548.600 | Không |

|  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                     |  |  |
|--|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  |  |  |  |  |  | có nguồn thu nhập từ SXNN trên đất đó.<br>- HĐ xác định:<br>+ DTTH thuộc thửa 01/10: 200.9m <sup>2</sup> ;<br>+ DTTH thuộc thửa 05/10: 224.0m <sup>2</sup> ;<br><br>- <b>Hiện trạng:</b> tre: 64.9m <sup>2</sup> , đậu: 460m <sup>2</sup> . | QĐ số 31/2024/QĐ-UBND) theo giá đất 98.000đ/m <sup>2</sup> cho DT: <b>224.0m<sup>2</sup></b> .<br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu, theo Quyết định 35/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND TPĐN. |  |  |
|--|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

## II. CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. Nguồn kinh phí chi trả: Vốn chi trả từ dự án.
2. Các nội dung khác có liên quan (nếu có): Không./.